

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Phương

2. Ông Hoàng Anh Tài

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lại Thị H; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Đức L; Sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2019 và tại bản tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2019, chị Lại Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đức L đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 18/11/1997 tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do chị đi làm ăn xa, anh L ở nhà thường xuyên rượu chè, không lo làm kinh tế, từ đó vợ chồng chị thường xuyên cãi vã. Anh L liên tục đập phá đồ dùng trong gia đình và dẫn dắt chị về tinh thần. Chị cố gắng chịu đựng và động viên nhưng anh L không thay đổi tính nết. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng vẫn không được. Chính vì thế mà vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2016 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Lê Tuấn A, sinh ngày 03/06/1998 và cháu Lê Anh T sinh ngày 18/01/2005. Hiện cháu Lê Tuấn A đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Lê Anh T, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 5 năm 2019, anh Lê Đức L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lại Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/1997 tại UBND xã Thành V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Ngoài ra, chị H có biểu hiện quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên không quan tâm gì đến chồng con. Chính vì thế mà vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 03 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 03/6/1998 và Lê Anh T, sinh ngày 18/01/2005. Hiện cháu Lê Tuấn A đã thành niên, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Lê Anh T, ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ, thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy giữa chị H và anh L mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 để xử cho chị H được ly hôn anh L. Về con cái, giao cháu Lê Anh T, sinh ngày 18/01/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 của Bộ Luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS) và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh L.

[5]. Về hôn nhân: Chị Lại Thị H và anh Lê Đức L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/1997 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không chung quan điểm sống và không có sự tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến xô sát, đánh đập. Bản thân anh L lại là người hay có thói quen rượu chè và mỗi khi say rượu lại có những hành vi không chuẩn mực. Chính vì thế mà vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị H và anh L đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lại Thị H được ly hôn anh Lê Đức L.

[6]. Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 03/6/1998 và Lê Anh T, sinh ngày 18/01/2005. Hiện cháu Lê Tuấn A đã thành niên, chị H và anh L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Còn cháu Lê Anh T, xét thấy bản thân cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Lê Anh T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[7]. Về tài sản: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lại Thị H được ly hôn anh Lê Đức L.

Về con cái: Giao cháu Lê Anh T, sinh ngày 18/01/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh L có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lại Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng

án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003629 ngày 03/5/2019. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Lại Thị H và anh Lê Đức L. Chị H và anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Thị Cúc**